

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **40/2024/DS-ST**

Ngày: 12/9/2024

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
cầm cố tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tấn Lợi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Hữu Soi

Ông Lê Minh Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Vũ Đình Quang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Điều - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21/8/2024 và ngày 12/9/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/2024/TLST-DS ngày 07/5/2024, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2024/QĐXXST-DS ngày 22/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 85/2024/QĐST-DS ngày 21/8/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S (Được đổi tên từ Công ty TNHH S1 theo Quyết định số 103/QĐ.HĐQT ngày 26/9/2023);

Địa chỉ trụ sở chính: Số A N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An;

Người đại diện theo pháp luật: Ông SOMYOT NGERNDAMRONG, chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị và ông KANOKWATPAISAL NAPAT, chức danh: Giám đốc (Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp B do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh N cấp đăng ký lần đầu ngày 24/11/2015, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 11/10/2023);

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Trần Thanh L, sinh năm 1990 - Chức vụ: Nhân viên Công ty Cổ phần S Có Ngay (Theo Giấy ủy quyền số 262/2023/UQ-SVN ngày 25/10/2023, có mặt);

Địa chỉ: Số C, đường H, Phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp; Địa chỉ liên hệ: Số C, đường C, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Mạc Thanh P, sinh năm 1977 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay có chị Trần Thanh L là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Theo giấy đăng ký kinh doanh đã đăng ký thì Công ty TNHH S1 (Viết tắt là Công ty) hoạt động ở nhiều lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực cầm cố tài sản. Vào ngày 01/9/2022, ông Mạc Thanh P có ký hợp đồng cầm cố tài sản với Chi nhánh Hồng Ngự của Công ty tại địa chỉ: Số A T, Khóm B, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp. Cụ thể theo hợp đồng cầm cố số HNM22090 1001NA21X được ký giữa các bên ngày 01/9/2022 (Viết tắt là Hợp đồng cầm cố ngày 01/9/2022), số đăng ký giao dịch bảo đảm trên Hệ thống đăng ký trực tuyến của Cục Đ: Giaodich baodam/botuphap: 1471162623 theo Web: <https://dktructuyen.moj.gov.vn> thì ông Mạc Thanh P có ký hợp đồng cầm cố tài sản là: 01 xe mô tô hai bánh biển số 66K1-480.60; Loại xe Honda Blade 110cc màu xanh đen; Số khung: RLHJA3665MY003952 – Số máy: JA36E1015806; Số giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 002671 do Công an huyện H cấp ngày 04/5/2021 (Viết tắt là xe mô tô biển số 66K1-480.60) để lấy số tiền là 13.200.000 đồng, thời hạn cầm cố là 12 tháng từ ngày 01/9/2022 đến ngày 01/9/2023, với mức lãi suất là 1,1%/tháng. Theo hợp đồng cầm cố đã ký thì Công ty đã giải ngân đầy đủ số tiền trên cho ông P.

Do nhu cầu cần có xe đi lại hàng ngày nên Công ty có ký giấy cho ông Mạc Thanh P mượn lại xe sử dụng. Trong giấy mượn xe có quy định rõ thời hạn mượn xe từ ngày 01/9/2022 đến ngày 01/10/2022, địa điểm trả xe tại Chi nhánh H. Ông P có cam kết rõ ràng trong giấy mượn xe: “Hoàn trả lại tài sản mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận”.

Quá trình trả nợ, ông Mạc Thanh P chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo hợp đồng cho Công ty, đến nay đã quá hạn hợp đồng hiện tại trễ 197 ngày. Nhân viên của Công ty đã nhiều lần nhắc nhở và gửi thông báo nợ quá hạn đến ông Mạc Thanh P tại địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Công ty đã tạo rất nhiều điều kiện để ông Mạc Thanh P trả lại tiền hoặc tài sản là xe máy đã cầm cố cho Công ty nhưng ông P không thực hiện và có biểu hiện trốn tránh, chiếm đoạt tài sản.

Công ty TNHH S1 (Nay là Công ty Cổ phần S Có Ngay) yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Mạc Thanh P phải thực hiện nghĩa vụ trả lại xe mô tô biển số 66K1-480.60 theo Hợp đồng cầm cố, kèm Giấy mượn xe đã ký ngày 01/9/2022. Trường hợp, ông Mạc Thanh P không trả lại xe cầm cố, buộc ông P thanh toán số tiền tính từ ngày giải ngân đến ngày 18/8/2023 là 13.180.023 đồng bao gồm tiền gốc 9.076.229 đồng, lãi 665.296 đồng và phí 3.438.498 đồng. Ngoài ra, ông Mạc

Thanh P còn phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày 18/8/2023 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Tại phiên hòa giải ngày 22/7/2024 và tại phiên tòa, chị Trần Thanh L là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay có đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Mạc Thanh P phải thanh toán cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền tạm tính đến ngày 12/9/2024 là 11.709.871đ (Mười một triệu bảy trăm lẻ chín nghìn tám trăm bảy mươi một đồng). Trong đó: Tiền gốc 9.041.208 đồng, tiền lãi trong hạn 798.941 đồng, tiền lãi quá hạn 1.869.722 đồng. Ngoài ra, ông P còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày 13/9/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ.

- Bị đơn ông Mạc Thanh P: Đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập họp lệ tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và các phiên tòa xét xử nhưng vắng mặt không lý do, không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và văn bản pháp luật có liên quan về thụ lý vụ án, xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ; việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, các thủ tục tố tụng khác và về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 309, 310 và Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S (Được đổi tên từ Công ty TNHH S1). Buộc ông Mạc Thanh P phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền tạm tính đến ngày 12/9/2024 là 11.709.871 đồng. Trong đó: Tiền gốc 9.041.208 đồng, tiền lãi trong hạn 798.941 đồng, tiền lãi quá hạn 1.869.722 đồng.

Kể từ ngày 13/9/2024 cho đến khi thi hành án xong, ông Mạc Thanh P còn phải tiếp tục trả lãi trên số tiền gốc còn thiếu theo lãi suất thoả thuận trong hợp đồng cầm cố số HNM220901001NA21X ngày 01/9/2022 cho đến khi thanh toán xong nợ.

- Đình chỉ yêu cầu của Công ty Cổ phần S Có Ngay về việc yêu cầu ông Mạc Thanh P phải giao lại tài sản bảo đảm là xe mô tô biển số 66K1-480.60 cho Công ty Cổ phần S Có Ngay theo Hợp đồng cầm cố ngày 01/9/2022, kèm giấy mượn xe đã ký với Công ty TNHH S1 - Chi nhánh H và số tiền phí quản lý và hao mòn tài sản.

(Kèm theo Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm số: 47/PB-VKS-DS ngày 12 tháng 9 năm 2024).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Mạc Thanh P phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn nợ theo Hợp đồng cầm cố ngày 01/9/2022 được ký kết giữa các bên. Căn cứ Điều 309 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án này là “*Tranh chấp về hợp đồng cầm cố tài sản*”.

[1.2] Về thẩm quyền: Căn cứ điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

[1.3] Về chấp hành pháp luật của đương sự: Bị đơn ông Mạc Thanh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham dự phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng ông P vẫn vắng mặt không có lý do và không có người đại diện tham gia phiên tòa, đồng thời cũng không có yêu cầu phản tố hay các yêu cầu gì khác trong vụ án này. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông P theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Ngày 01/9/2022 Công ty TNHH S1 (Nay là Công ty Cổ phần S Có Ngay) và ông Mạc Thanh P ký kết Hợp đồng cầm cố số HNM220901001NA21X, theo đó ông P cầm cố tài sản là xe mô tô hai bánh biển kiểm soát 66K1-480.60 loại xe Honda Blade 110cc màu xanh đen, số khung: RLHJA3665MY003952, số máy: JA36E1015806, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 66 002671 do Công an huyện H cấp ngày 04/5/2021, để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ đối với số tiền cầm cố 13.200.000 đồng; Thời hạn cầm cố là 12 tháng, kể từ ngày 01/9/2022 đến ngày 01/9/2023; Lãi suất là 1,1%/ tháng, lãi quá hạn 150% lãi suất trong hạn, phí bảo quản hồ sơ là 0.5%/tháng, phí tổ chức kiểm tra giá trị tài sản ban đầu là 198.000 đồng, phí đăng ký và xóa giao dịch bảo đảm

là 150.000 đồng, phí trả nợ trước hạn là 7% trên dư nợ thực tế chưa đến hạn, phạt vi phạm kỳ hạn trả nợ với mức phí là 8% trên dư nợ thực tế chưa đến hạn. Do vi phạm nghĩa vụ thanh toán nguyên đơn Công ty Cổ phần S (sau đây gọi tắt là Công ty) yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Mạc Thanh P phải thanh toán cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền tạm tính đến ngày 12/9/2024 là 11.709.871 đồng. Trong đó: Tiền gốc 9.041.208 đồng, tiền lãi trong hạn 798.941 đồng, tiền lãi quá hạn 1.869.722 đồng. Ngoài ra, ông P còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày 13/9/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Xét, tính hợp pháp của hợp đồng cầm cố: Xét thấy, tại thời điểm giao dịch các bên có đầy đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự, các bên giao kết hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Căn cứ Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015 hợp đồng cầm cố đảm bảo điều kiện có hiệu lực của hợp đồng và căn cứ Điều 309, 310 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì hợp đồng cầm cố có hiệu lực từ thời điểm giao kết. Như vậy, hợp đồng cầm cố đang tranh chấp giữa các đương sự là hợp pháp và có hiệu lực từ thời điểm ký kết ngày 01/9/2022.

[2.2] Xét, quá trình thực hiện hợp đồng cầm cố và việc giao nhận tiền: Ngày 01/9/2022 Công ty Cổ phần S Có Ngay có giải ngân cho ông Mạc Thanh P nhận số tiền 13.200.000 đồng. Kể từ ngày ký hợp đồng cầm cố, ông P chỉ thanh toán cho Công ty theo hợp đồng số tiền là 5.980.000 đồng, trong đó tiền gốc 4.158.792 đồng, lãi 514.132 đồng, phí 1.307.076 đồng. Kể từ ngày 02/01/2023 ông P đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền còn lại và cũng không trả lại xe cầm cố cho Công ty như đã thỏa thuận là đã vi phạm nghĩa vụ, nên việc Công ty Cổ phần S Có Ngay khởi kiện yêu cầu ông P phải có trách nhiệm trả số tiền còn nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn tạm tính đến ngày 12/9/2024 tổng cộng 11.709.871 đồng là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập họp lệ, thông báo công khai tài liệu, chứng cứ và đã thông báo cho ông Mạc Thanh P cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn cũng như văn bản trình bày ý kiến. Nhưng, ông P không có văn bản trình bày ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, căn cứ Điều 72, 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì ông P đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình, từ bỏ quyền chứng minh và không phản đối những tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp cho Tòa án.

[2.3] Xét, yêu cầu về tính tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn: Căn cứ Hợp đồng cầm cố ngày 01/9/2022, lãi suất hai bên thỏa thuận trong hạn cố định là 1,1%/tháng, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, đây là sự tự nguyện thỏa

thuận giữa các bên và không trái với quy định pháp luật, nên việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo Hợp đồng cầm cố là có căn cứ phù hợp nên chấp nhận.

Tạm tính đến ngày 12/9/2024: Tiền gốc 9.041.208 đồng, tiền lãi trong hạn 798.941 đồng, tiền lãi quá hạn 1.869.722 đồng. Tổng cộng 11.709.871 đồng.

[2.4] Xét, yêu cầu tiếp tục tính lãi: Nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay yêu cầu ông P phải có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi với lãi suất theo Hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày 13/9/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ. Xét thấy, yêu cầu tiếp tục tính lãi của nguyên đơn là phù hợp với Hợp đồng cầm cố ngày 01/9/2022, nên chấp nhận.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay, buộc bị đơn ông Mạc Thanh P phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 11.709.871 đồng (Trong đó: Tiền gốc 9.041.208 đồng, tiền lãi trong hạn 798.941 đồng, tiền lãi quá hạn 1.869.722 đồng) và buộc ông P phải có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi với lãi suất theo Hợp đồng cầm cố đã ký kết kể từ ngày 13/9/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ.

[4] Tại phiên hòa giải ngày 24/7/2024, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay có đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện và tại phiên tòa xin rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu trả lại tài sản cầm cố là xe mô tô biển số 66K1-480.60 và phí quản lý, phí hao mòn tài sản. Xét thấy, việc nguyên đơn thay đổi và rút một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ yêu cầu này.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định. Nguyên đơn được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Đối với quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở, nên được xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 117, 280, 309, 310 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1, 2 Điều 37 và các Điều 72, 91, 147, 227, 228, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S (Được đổi tên từ Công ty TNHH S1).

Buộc ông Mạc Thanh P phải có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền tạm tính đến ngày 12/9/2024 là 11.709.871đ (Mười một triệu bảy trăm lẻ chín nghìn tám trăm bảy mươi một đồng). Trong đó: Tiền gốc 9.041.208 đồng, tiền lãi trong hạn 798.941 đồng, tiền lãi quá hạn 1.869.722 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo 13/9/2024 cho đến khi thi hành án xong, ông Mạc Thanh P còn phải tiếp tục trả lãi trên số tiền gốc còn nợ theo lãi suất thoả thuận trong Hợp đồng cầm cố số HNM220901001NA21X được ký giữa các bên ngày 01/9/2022 cho đến khi thanh toán xong nợ.

2. Đình chỉ yêu cầu của Công ty Cổ phần S Có Ngay đối với yêu cầu trả lại tài sản cầm cố là xe mô tô hai bánh biển kiểm soát 66K1-480.60 loại xe Honda Blade 110cc màu xanh đen, số khung: RLHJA3665MY003952, số máy: JA36E1015806, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 66 002671 do Công an huyện H cấp ngày 04/5/2021 và phí quản lý, phí hao mòn tài sản.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty Cổ phần S Có Ngay không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền tạm ứng án phí đã nộp 329.500 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002852 ngày 19/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- Ông Mạc Thanh P phải chịu 585.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Hồng;
- TAND huyện Tân Hồng;
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- Đương sự;
- Lưu: TDS, HSVA (Quang).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Ngô Tấn Lợi